

PHỤ LỤC SỐ 14

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH TỰ DOANH ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA
DOANH NGHIỆP KINH DOANH BẢO HIỂM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm)

**TÊN DOANH NGHIỆP
KINH DOANH BẢO HIỂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....(số công văn)

....., ngày.....tháng.....năm

V/v báo cáo tình hình tự doanh
đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
quý.....năm...

Kính gửi: Bộ Tài chính

I. Tình hình thực hiện hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

STT	Chỉ tiêu	Giá trị	
		Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)
I	Hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước xác nhận		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		
4			
II	Giá trị đã đầu tư tại thời Điểm cuối quý		
1	Đô la Mỹ		
2	Bảng Anh		
3	EURO		

1	Cổ phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												
2	Trái phiếu												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												
3	Chứng chỉ quỹ												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												
II	Đầu tư khác												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												
	Tổng												
	- Ngoại tệ												
	- Quy đổi VND												

* Ghi chú:

KL: Khối lượng

GT: Giá trị

Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời Điểm phát sinh giao dịch

3.2. Tình hình nắm giữ tài sản đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

(tính theo giá trị ngoại tệ đã đầu tư)

STT	Loại tài sản	Tài sản đầu tư nắm giữ tại thời Điểm báo cáo					Tổng số chứng khoán đang lưu hành của tổ chức phát hành vào thời Điểm báo cáo	Tỷ lệ đầu tư (%)
		Số lượng	Giá trị sổ sách tại thời Điểm mua		Giá trị thị trường tại thời Điểm báo cáo (ngoại tệ)	Tỷ lệ tăng trưởng tài sản đầu tư (%)		
			Ngoại tệ	Tỷ VND (quy đổi)				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(4)*100	(8)	(9)=(3)/(8)*100
I	Đầu tư chứng khoán							
1	Cổ phiếu							
	A							
								
2	Trái phiếu							
	A							
								
3	Chứng chỉ quỹ							
	A							
								
II	Đầu tư khác							

1								
	Tổng cộng (I+II)							

(Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời Điểm phát sinh giao dịch)

* Ghi chú:

Cột (2) loại chứng khoán được ghi cụ thể theo mã chứng khoán mà doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm nắm giữ.

Cột (3) là các chứng khoán hiện doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm đang nắm giữ, không bao gồm chứng khoán đang về tài Khoản.

Cột (4) tính theo giá mua vào/giá góp vốn theo hợp đồng;

Cột (5) Tỷ giá được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời Điểm phát sinh giao dịch;

Cột (6) tính theo giá đóng cửa hoặc giá giao dịch bình quân tại thời Điểm báo cáo hoặc giá trị hợp lý đối với chứng khoán chưa niêm yết.

Đối với trái phiếu, không phải tính cột (8), (9).

IV. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị:

NGƯỜI LẬP

(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT NỘI BỘ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Thông tư 105/2016/TT-BTC